

## ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CA HUẾ

TRẦN KIỀU LẠI THUY<sup>\*</sup>

### TÓM TẮT

*Số lượng người hiểu tương đối tương tận về Ca Huế và thật sự yêu thích nó không nhiều. Bài viết này trình bày những đặc điểm của nghệ thuật Ca Huế; trong đó có những điểm chung với các thể loại âm nhạc truyền thống Việt Nam và những điểm riêng độc đáo của thể loại Ca Huế. Hi vọng bài viết góp thêm tư liệu nhằm bảo tồn và phát triển nghệ thuật Ca Huế.*

**Từ khóa:** Ca Huế, sự tô điểm (hoa lá), nét nhạc, giọng Huế.

### ABSTRACT

#### *The artistic features of Ca Hue*

*Not many people thoroughly know and really love Ca Hue. This article introduces the features of Ca Huế, which share some common features with other genres of Vietnamese traditional music besides its remarkable unique features. The article can serve as a reference material used for the conservation and development of Ca Hue.*

**Keywords:** Ca Hue, ornamentation, melodic pattern, intonation of Hue.

### 1. Mở đầu

Có một thể loại âm nhạc cổ truyền gắn liền với tổng thể văn hóa Huế, nơi một thời là kinh đô hoa lệ vào bậc nhất của Việt Nam, đó là Ca Huế. Ca Huế là một trong ba thể loại âm nhạc thính phòng truyền thống tiêu biểu của Việt Nam. Nó có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa âm nhạc cung đình và âm nhạc dân gian miền Trung Việt Nam. Cái tên Ca Huế được mọi người ngày nay biết đến như một thể loại ca cổ truyền nhưng số lượng người am hiểu về Ca Huế và thật sự yêu thích nó không nhiều. Không chỉ có công chúng ít hiểu biết về Ca Huế, mà ngay cả một phần không nhỏ những người đang sống bằng nghề biểu diễn Ca Huế cũng có sự hiểu biết rất hạn chế về loại hình nghệ thuật này; từ đó dẫn đến

sự sai lệch về phong cách trình diễn, nội dung trình diễn... làm hạ thấp giá trị của Ca Huế và làm công chúng có sự ngộ nhận về Ca Huế. Vì vậy, cần tiến hành nghiên cứu, phân tích, làm rõ các giá trị nghệ thuật của Ca Huế; từ đó mới có thể kêu gọi mọi người yêu mến giữ gìn, phổ biến và phát triển loại hình nghệ thuật này một cách tốt nhất.

### 2. Những nét tương đồng với âm nhạc truyền thống Việt Nam

Nghệ thuật Ca Huế có những đặc điểm chung với các loại hình nghệ thuật âm nhạc truyền thống Việt Nam. Một trong những đặc điểm quan trọng nhất là giai điệu nhạc thường đi theo thanh điệu của giọng nói địa phương. Ngôn ngữ nói của người Việt gần như thống nhất về ngôn từ ở mọi miền đất nước từ Bắc chí Nam, vì người Việt là cùng một nguồn cội, từ miền Bắc, theo quá trình lịch sử, dân chúng di cư dần về phía Nam. Điểm

<sup>\*</sup> ThS, Nhạc viện TPHCM

khác biệt chủ yếu trong ngôn ngữ giữa các miền là thanh điệu giọng nói. Dân ca và âm nhạc truyền thống mang tính chuyên nghiệp của Việt Nam thường có giai điệu phát triển dựa trên đặc điểm thanh điệu địa phương. Ca Huế cũng vậy, trong các bài bản Ca Huế có lời, người ta thấy giai điệu phối hợp nhuần nhuyễn với thanh điệu trong lời ca để tạo nét riêng cho Ca Huế (sẽ phân tích kỹ ở phần sau).

Một đặc điểm chung nữa của nghệ thuật Ca Huế là kiểu trình tấu theo nguyên tắc thẩm mỹ “học chân phương, đàn hoa lá”. Tức là khi học thì phải theo bản dạy của thầy thật sát. Đó là những nét nhạc cơ bản (*chân phương*). Nhưng khi biểu diễn, nghệ sĩ có thể thêm thắt một vài *chữ nhạc* để cho giai điệu và tiết tấu thêm phần hào hứng (*hoa lá*). Tuy nhiên trong ca nhạc Huế, phần *hoa lá* và những thay đổi trong *chữ nhạc* không nhiều như trong ca nhạc Tài tử miền Nam vì Ca Huế thuộc loại bảo tồn truyền thống và lễ luật khá nghiêm ngặt, nhất là trong cách phân câu, phân đoạn phải rõ ràng, mạch lạc.

Bên cạnh các đặc điểm trên, cũng như đờn ca Tài tử, nghệ thuật ca Huế còn thể hiện nét đặc sắc của mình trong phần dạo đầu mỗi bài ca hay bản nhạc. Trong hình thức ca có nhóm nhạc đệm, người ca và người đàn phải kết hợp nhuần nhuyễn với nhau. Phần dạo nhạc của người đàn là yếu tố rất quan trọng dẫn dắt cảm xúc của người nghe và người ca đi vào giai điệu chính của bài. Người dạo đàn (trong âm nhạc Tài tử Nam Bộ gọi là “rao”) phải đàn ngẫu hứng một đoạn nhạc mở đầu với cốt lõi là thang âm điệu thức chính

của bài nhạc. Đoạn này không chỉ tự do về sự sáng tạo giai điệu mà còn tự do về tiết nhịp, không cần tiết nhịp đều đặn như thường thấy trong các tác phẩm âm nhạc châu Âu. Mặc dù ở châu Á, Ấn Độ cũng có kiểu dạo nhạc đầu bài gọi là Alapa, nhưng đoạn “rao” trong Ca Huế và ca nhạc Tài tử ở Việt Nam có những nét đặc trưng riêng. Nhà nghiên cứu Trần Văn Khê cho biết: “*Cái rao của chúng ta chẳng những tạo một bầu không khí phù hợp với bản đàn, vui tươi cho bản Bắc, trang nghiêm cho bản Nhạc, êm ái cho bản Xuân, buồn dịu cho bản Ai, mà còn là một dịp cho nhạc công thử dây đàn như người kị mã thử ngựa và lúc đó người nhạc công có thể phô tài của mình hay tùy hứng sáng tác những khúc mới lạ*” [4, tr.573].

Cách dạo nhạc của mỗi nhạc công cho thấy phong cách riêng của mỗi người và chứng tỏ trình độ âm nhạc của từng nhạc công (trình độ cảm thụ nội dung bài bản, trình độ ứng tấu theo điệu thức của bài, kỹ thuật sử dụng nhạc cụ).

### 3. Những nét đặc trưng của Ca Huế

Ngoài những đặc điểm chung với các loại hình âm nhạc dân tộc Việt Nam, trong nghệ thuật Ca Huế, chúng ta có thể tìm thấy những nét rất riêng của thể loại âm nhạc miền Trung này. Những nét riêng đó góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Huế.

Các buổi biểu diễn Ca Huế thường diễn ra vào buổi tối, trong khung cảnh gió mát trăng thanh. Trăng thường xuất hiện trong các bài Ca Huế với vẻ đẹp mỹ miều, lung linh, tôn thêm chất thơ cho bài ca. Vẻ tĩnh mịch ban đêm cũng góp phần

tạo nên màu sắc đặc trưng của Ca Huế. Trong khung cảnh đêm thanh êm đềm đó, các bài Ca Huế thường có nhịp độ chậm rãi, thông dong, trữ tình. Nghệ thuật Ca Huế thiên về nhịp điệu chậm. Nhịp điệu này thể hiện phong cách của người Huế: chậm rãi, thông thả, điềm đạm và hay suy tư. Phong cách đàn và ca trong Ca Huế coi trọng sự nhấn, rung, tỉ mỉ chứ thường không coi trọng tốc độ diễn tấu, diễn xướng nhanh. Cách đàn, ca của Ca Huế phong lưu, đài các, khác với cách đàn, ca bình dân, phóng túng của đờn ca Tài tử miền Nam.

Ca nhạc Huế (hay Ca Huế) được các vị quý tộc quan lại cung đình triều Nguyễn và giới trí thức sinh nhạc ở Huế rất coi trọng. Các buổi tụ họp sinh hoạt Ca Huế đều được chuẩn bị kĩ càng. Nghệ

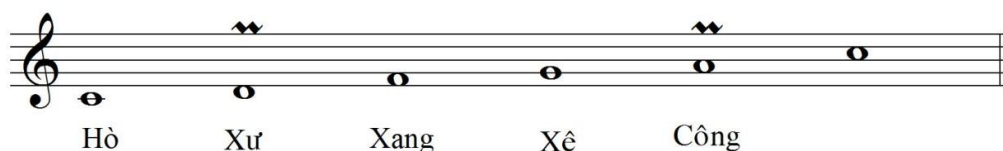
sĩ Ca Huế thường chọn lựa lúc yên tĩnh, mát mẻ để chơi nhạc. Vì vậy các buổi Ca Huế thường được diễn ra vào ban đêm, không chỉ có cảnh vật xung quanh yên tĩnh mà cả tâm hồn của người chơi nhạc cũng phải trầm tĩnh, phong thái nghiêm trang và luôn mong có được những người đồng điệu thường thức.

Trong Ca Huế có 2 loại điệu thức chính là điệu Bắc (cũng gọi là điệu khách) và điệu Nam. Trong bài báo này, nếu chúng ta chọn độ cao của chữ hò là nốt đô của quãng tám 1, điệu thức được biểu diễn trên khuông nhạc theo kiểu châu Âu cổ điển, thì chúng ta có:

*Điệu Bắc*: mang màu sắc tươi vui hoặc trang nghiêm. Hai âm Xư và Công rung. Rất nhiều bài bản Ca Huế được diễn xướng theo điệu thức này.

### Ví dụ 1.

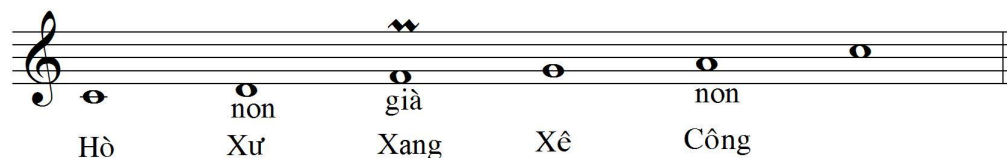
#### *Điệu Bắc*



*Điệu Nam hơi Ai*: Đây là điệu thức đặc trưng, chỉ có ở miền Trung Việt Nam. Nếu ghi âm bằng kí hiệu nốt trên khuông nhạc cổ điển châu Âu thì điệu Nam hơi Ai này cũng tương tự điệu Bắc. Nhưng khi diễn tấu thực tế thì nó có sự xô dịch “già”, “non”.

### Ví dụ 2.

#### *Điệu Nam hơi Ai*



Điệu thức này mang tính buồn thương. Có nhiều cấp độ khác nhau của sắc thái buồn được diễn tả ở điệu Nam hơi Ai này.

*Hơi Dựng*: Hơi Dựng không phải là một điệu thức riêng biệt. Nó là sự chuyển điệu từ điệu thức Nam sang điệu thức Bắc (hoặc ngược lại).

Cảm xúc chủ yếu trong các bài bản Ca Huế là cảm xúc buồn. Những khúc ca điệu Nam ghi dấu trong lòng người đậm đà hơn những khúc ca điệu Bắc. Điệu Nam hơi Ai diễn tả nỗi buồn xa xăm như vọng về từ cõi xưa, từ những câu chuyện buồn trong quá khứ. Qua từng bài bản điệu Nam, người thưởng thức sẽ trải nghiệm nét buồn với vẻ đẹp yêu kiều ở những cung bậc khác nhau. Ông Lê Văn Hảo có nhận xét: "... ở bài *Nam xuân* buồn dịu nhẹ, thanh thản, ở *Nam ai* buồn trầm lắng, nỉ non, ở *Nam bình* buồn bồi hồi, dịu dặt mà thanh thoát" [3, tr.1072].

Nét đặc sắc của Ca Huế còn thể hiện rõ ở đường nét giai điệu. Giai điệu và điệu thức trong các bài bản Ca Huế được sáng tạo dựa trên giọng nói Huế. Giọng nói của người Việt ở miền Bắc có đầy đủ sáu dấu thanh: ngang, huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Nhưng khi người Việt di cư vào chung sống với cư dân địa phương vùng Bình Trị Thiên, ngôn ngữ tiếng Việt có nhiều biến đổi, chủ yếu là về cao độ của các dấu thanh. Vùng Bình Trị Thiên xưa thuộc vương quốc Chăm-pa. Ngôn ngữ của người Chăm không phân biệt ngữ nghĩa theo các dấu thanh như người Việt. Cao độ lên xuống trong giọng nói người Chăm cũng không có khoảng cách xa như người Việt. Vì thế khi ngôn ngữ Việt vùng Bình Trị Thiên bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ Chăm, khoảng cách các dấu thanh cũng gần lại. Hơn nữa, một số dấu thanh của vùng Bình Trị Thiên còn bị biến đổi thứ tự cao

độ so với giọng miền Bắc. Dấu thanh ngang được đưa cao lên hơn thanh ngang của miền Bắc. Thanh sắc không đứng yên ở âm vực cao mà lượn từ âm vực thấp lên, nhưng điểm cao nhất cũng không cao bằng thanh sắc của miền Bắc. Thanh nặng thì xuống thấp hơn thanh nặng miền Bắc, làm cho giọng Bình Trị Thiên có vẻ nặng hơn giọng Bắc. Hai thanh hỏi và ngã không phân biệt như ở miền Bắc. Cả hai thanh này của người Việt tại Bình Trị Thiên đều ở âm vực trầm, nhưng cao hơn thanh nặng. Thanh huyền ở vị trí trung gian, cao hơn thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng và thấp hơn thanh ngang, thanh sắc.

Sự chênh lệch không nhiều giữa các dấu thanh làm cho giai điệu của dân ca Bình Trị Thiên và giai điệu Ca Huế ít phụ thuộc vào dấu thanh của lời ca như giai điệu dân ca các vùng khác trong nước. Giai điệu của các bài hát miền Bình Trị Thiên có thể tự do lên xuống, không cần chú trọng nhiều đến dấu thanh trong lời ca mà người nghe cũng không cảm thấy có sự khiên cưỡng. Có lẽ đó cũng là lí do các nhà sáng tác có thể dễ dàng ghép nhiều lời ca khác nhau vào một giai điệu Ca Huế có trước.

Mặt khác, tiếng nói "trợ trợ" của người Bình Trị Thiên hợp với giai điệu Ca Huế làm thành một chất riêng đặc thù, phân biệt rõ với các vùng khác. Ông Ung Bình nhận định: "*Gọi là Ca Huế, vì thanh âm người Huế hợp với điệu ca này, mà xứ Huế như người Quảng Trị với Quảng Bình cũng ca được, còn từ Linh Giang đĩ Bắc, Hải Vân quan đĩ Nam đều có người ca, mà ca giỏi thế nào cũng có nơi trảy bẹ, ấy là câu chuyện ai cũng biết rồi...*" [1, tr.3].

**Ví dụ 3.**

Trích đoạn đầu bài Nam Ai do Đào Quý Duy sưu tầm và ghi âm [5]

Ngoảnh — lui — cõ — quốc ư — ư — ư — ư — ngập —  
 ư — ư — ư — ngừng ư — ư — ngập — ngừng — ư — ư

Ví dụ 3 cho thấy giai điệu nốt nhạc ở chữ “lui” vượt từ nốt sol 1 lên cao quãng 4 đến nốt đô 2. Sau đó giai điệu lại xuống thấp ở 2 chữ “cõ quốc” tiếp theo. Vậy trong đoạn này, thanh ngang cao hơn hẳn thanh sắc, chỗ xa nhất là một quãng 8 (từ đô 1 đến đô 2). Tiếp theo, chúng ta thấy chữ “ngập” ở thanh nặng mà giai điệu lại vượt lên từ nốt fa 1 đến đô 2. Trong khi chữ “ngừng” ở thanh huyền thì

giai điệu lại xuống thấp tới nốt đô 1. Từ “ngập ngừng” xuất hiện lần thứ hai cũng vậy, cao độ của chữ “ngập” (la - sol) vẫn cao hơn chữ “ngừng” (mi - rê - fa).

Ví dụ 4 dưới đây cho thấy sự phối hợp giữa giai điệu nhạc và dấu thanh trong ca từ tạo nên chất riêng phân biệt Ca Huế và dân ca Bình Trị Thiên; Đó là trích đoạn bài *Tứ đại cảnh* do Dương Tiến Trường kí âm [2, phụ lục].

**Ví dụ 4.**

— sông. Nhớ trắng — lổng nơi vườn cũ xa — trông bao kỷ — niệm còn ơ —  
 — không. Câu tan — hiệp. câu ly — biệt thương nhớ — để — lường —

Chúng tôi tạm thời đánh số ô nhịp đoạn nhạc này theo thứ tự 1, 2, 3... để tiện việc theo dõi. Ở ô nhịp 1, quãng 8 đúng từ sol trung tới sol 1 (2 nốt trong ngoặc) ứng với chữ “nhớ” lướt từ dưới lên, mô phỏng cách phát âm các từ có thanh sắc trong giọng Huế. Ô nhịp 2, phần nốt trong ngoặc ứng với chữ “vườn” và chữ “cũ”. Chúng ta thấy cao độ nốt nhạc của chữ “vườn” từ trên lướt xuống (fa - rê), cao hơn chữ “cũ” (đô), trái

ngược với thứ tự cao độ dấu thanh ở miền Bắc và miền Nam (ở hai miền này, người dân thường đọc thanh ngã cao hơn thanh huyền).

Ở ô nhịp 5, hai nốt trong ngoặc lướt lên quãng 4 (sol - đô), ứng với chữ “câu”. Chữ “câu” ở thanh ngang, thông thường ở các vùng miền khác được hát chỉ ở một cao độ. Ở ô nhịp 5 này, nó được đi qua hai cao độ, lướt lên quãng 4, mô phỏng cách phát âm có ý nhấn

mạnh các từ thanh ngang của dân Bình Trị Thiên.

Các nốt trong ngoặc ở ô nhịp 6 là sự kết hợp khéo léo giữa giai điệu và dấu thanh của lời ca để thể hiện đặc điểm độc đáo của người Bình Trị Thiên là đọc âm ở thanh ngang cao hơn âm ở thanh sắc. Chữ “thương” thanh ngang được luyến từ trên cao xuống (la - sol), cao hơn chữ

“nhớ” thanh sắc từ dưới luyến lên (đô - rê).

Có lẽ do khoảng cách dấu thanh gần nhau, khó phân biệt, giai điệu hát lại dễ dàng biến hóa lên xuống hơn. Trong rất nhiều bài Ca Huế, chúng ta sẽ thấy các quãng nhảy xa về cao độ thường xuyên xuất hiện, như ví dụ 5 sau đây:

**Ví dụ 5.**

Trích đoạn đầu bài Nam Bình [5]

**NAM BÌNH**

Chậm, tha thiết Sưu tầm, ghi âm: Đào Quý Duy

Nước non ngàn dặm ư ra ư ư đi i  
cái tình chi ư ư ư mượn màu ư son phấn i đến ư nơ

Những chỗ có đánh dấu ngoặc là chỗ có quãng nhảy xa về cao độ. Cả năm vị trí có dấu ngoặc nhảy quãng, chúng ta đều thấy lời ca được luyến lên hoặc luyến xuống tương đối xa (quãng 4, quãng 5, quãng 6). Sự luyến lên xuống những quãng xa như vậy tạo màu sắc đặc trưng cho Ca Huế.

Bài Nam Ai [5] cũng có nhiều chỗ nhảy quãng xa tương tự:

**Ví dụ 6.**

**NAM AI**

Rất chậm, buồn Sưu tầm, ghi âm: Đào Quý Duy

Ngoảnh lui cổ quốc ư  
ư ư ngấp ư ư ngừng ư ư ngấp ngừng ư ư  
gột ư ư ư gột ngọc ư ư

Cách phát âm địa phương từ vùng Bình Trị Thiên trở vào phía Nam Việt Nam có những đặc điểm khác với phát âm miền Bắc. Đặc điểm này cũng thể hiện trong thể loại Ca Huế. Có thể nêu một số ví dụ như sau:

- Một số tiếng không phân biệt phụ âm cuối “t” và “c”, đều phát âm như phụ âm cuối “c”: “việc” và “Việt” đều phát âm là “việc”; “mác” và “mát” đều phát âm là “mác”.

- Không phân biệt phụ âm cuối “n” và “ng”, đều phát âm như phụ âm cuối “ng”: “hoan” và “hoang” đều phát âm là

“hoang”; “làn” và “làng” đều phát âm là “làng”.

- Vẫn “oi” phát âm thành gần như “ôay”: “noi gương” phát âm thành “nôay gương”; “coi ngó” phát âm thành “côay ngó”.

Trong tiếng địa phương của miền Trung Việt Nam có những từ dùng khác hẳn với các vùng khác. Những từ đó là: mô, tê, răng, rúa, ni, ri, tề... Các từ địa phương này xuất hiện nhiều trong dân ca Bình Trị Thiên. Và theo dòng dân ca, nó dần đi vào thể loại Ca Huế.

### Ví dụ 7.

Bài Lí Hoài Nam [2, tr.phụ lục]

## LÝ HOÀI NAM

Ký âm: Dương Bích Hà

Người hát: Minh Mẫn

Chiều chiều đất bạn ơi, đất bạn ơi đèo qua  
 đèo, (lả lả) đèo qua đèo. Chim kêu, chim kêu, tình kêu bên  
 nớ úy óa chi rúa, chi rúa Ơi hỡi vườn trèo, vườn  
 trèo (tả la) bên ni (tả la) ni bên ni. Ơi hỡi vườn trèo, trèo bên ni.

Các từ *mô, tê, răng, rúa...* này không hề thấy xuất hiện trong Ca Huế kinh điển từ đầu thế kỉ XX trở về trước. Có lẽ do quan niệm của các quan lại, trí thức triều nhà Nguyễn cho Ca Huế là thể loại âm nhạc bác học, và các từ *mô, tê,*

*răng, rúa...* là từ bình dân trong dân gian nên không được đưa vào. Chỉ khi nhà Nguyễn sụp đổ, thì thể loại Ca Huế mới được đến gần với người bình dân, được nuôi dưỡng và phát triển. Người dân đưa dần dân ca vào Ca Huế và đưa luôn cả

*mô, tê, răng, rúa...* vào thể loại nhạc chuyên nghiệp này.

Người hát Ca Huế phải luyện tập công phu cách phát âm để hát cho thật rõ lời. Ca nương hát phải “nhả chữ” cho “tròn vành rõ chữ” theo đặc điểm tiếng địa phương vùng Bình Trị Thiên. Giai điệu phần hát trong thể loại Ca Huế được sáng tác, tập dượt, trau chuốt kỹ càng theo những nguyên tắc nhất định. Điều này chứng tỏ tính bác học của nghệ thuật Ca Huế. Trong kỹ thuật hát Ca Huế có những kỹ thuật đưa hơi, rung, luyện đặc trưng, sử dụng giọng cổ, giọng óc... cho đến nay chỉ có thể được truyền thụ bằng phương pháp truyền khẩu, thị phạm trực tiếp chứ không thể diễn tả, ghi chép chính xác được.

Nghệ thuật hòa đàn và kỹ thuật sử dụng nhạc cụ trong ca nhạc Huế cũng có nhiều nét riêng. Cũng như kỹ thuật ca, trong kỹ thuật đàn Huế, “nhấn” và “rung” là quan trọng nhất. Cùng gọi là “nhấn” và “rung”, nhưng phải nhấn và rung sao cho ra “chất Huế”, phải phân biệt với lối nhấn và rung của âm nhạc các địa phương khác. “Chất Huế” đó là chỗ tế nhị, kì diệu mà hầu như chỉ có người Việt Nam, đặc biệt là người Bình Trị Thiên mới “làm ra” được. Theo ghi chép của nhà nghiên cứu Lê Văn Hào, cách sử dụng nhạc cụ dây trong ca nhạc Huế có nhiều “ngón nhấn” khác nhau như: nhấn nửa bực, nhấn một bực, nhấn một bực rưỡi, nhấn hai bực, thậm chí nhấn đến ba bực, nhấn vuốt, nhấn mỏ, nhấn nhảy, nhấn rung, chày, hưởng, vả, mỏ, bầm, bịt, day, chớp, búng, phi, rải... [3, tr.1083]

Về nhịp, trong âm nhạc truyền thống Huế nói chung và Ca Huế nói riêng có các loại: nhịp chính diện (chánh diện phách), nhịp nội (nội phách), nhịp ngoại (ngoại phách). Nhịp chính diện là gõ nhịp ngay vào chữ đàn hoặc lời ca. Nhịp chính diện làm cho câu nhạc rõ ràng, chân phương. Trong khi đó, nhịp nội và nhịp ngoại mang tính phá cách, thu hút sự chú ý của người nghe vì nó nhịp ra ngoài chữ đàn hoặc lời ca. Nhịp nội là gõ nhịp ngoài chữ đàn (hay lời ca) mà còn trong câu nhạc. Nhịp nội là gõ nhịp ngoài chữ đàn (hay lời ca) mà ngoài câu nhạc. Sự kết hợp hài hòa giữa các loại nhịp chính diện, nhịp nội và nhịp ngoại làm cho bản đàn, bài ca có sự uyển chuyển, tinh tế.

Thứ tự bài bản trong các buổi trình diễn Ca Huế cũng là yếu tố được các nghệ nhân Ca Huế “sành điệu” rất chú trọng vì nó góp phần không nhỏ trong việc dẫn dắt cảm xúc của người nghe. Ông Văn Thanh, một người yêu Ca Huế và có những nghiên cứu nghiêm túc về Ca Huế nêu đặc điểm thứ tự bài bản Ca Huế như sau: “... *Mở đầu bao giờ cũng là một số bài bản thuộc cung Bắc, sau đó mới bắt sang các bài bản thuộc cung Nam. Và nếu ta đã thưởng thức nhiều về đàn ca Huế, ta sẽ nhận thấy rằng chính những bài cung Bắc đi trước làm nổi bật những bài cung Nam đi sau. Khi bản đàn cung Bắc vừa chấm dứt, dư âm rộn rã, vui tươi của điệu nhạc như còn phảng phất chưa lắng đọng hẳn mà nhạc công dạo lên mấy tiếng đàn hơi Ai thật chài chuốt, mơ buồn thì không khí phòng nhạc bỗng như thay đổi hẳn. Nó có thể ví như đang từ một không khí oi bức của mùa*



*hạ, bỗng một cơn gió heo may từ đâu thổi đến báo hiệu cảnh thu sang khiến lòng ta như băng khuâng xao xuyến” [5, tr.23-24].*

Nhận xét trên cho thấy, thật ra thứ tự bài bản Ca Huế trong các buổi trình diễn không phải được sắp xếp theo một thứ tự tỉ mỉ, chi tiết mà được xếp theo thứ tự điệu thức từ Bắc sang Nam để dẫn dắt cảm xúc người nghe từ vui sang buồn. Các bài bản trong cùng một điệu thức thì không cần theo thứ tự nhất định.

#### 4. Kết luận

Nghệ thuật Ca Huế có những nét chung với các loại hình nghệ thuật âm nhạc cổ truyền của Việt Nam như cách trình tấu “chân phương – hoa lá”, giai điệu đi theo thanh điệu giọng nói và phần đạo nhạc tự do, dẫn dắt cảm xúc đầu bản

nhạc. Các đặc điểm này chứng tỏ Ca Huế nằm trong cùng một hệ thống âm nhạc truyền thống của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó, Ca Huế có những đặc trưng rất độc đáo, phân biệt với âm nhạc các vùng miền khác như: giai điệu sáng tạo dựa trên giọng Huế, không gian diễn yên tĩnh vào buổi tối, có trăng thanh gió mát, nhịp điệu chậm, cảm xúc buồn, thứ tự bài bản sắp xếp từ điệu Bắc sang điệu Nam. Những đặc trưng này góp phần tạo nên bản sắc riêng của văn hóa xứ Huế. Với những giá trị nghệ thuật đặc sắc như vậy, Ca Huế xứng đáng là một trong những loại hình văn hóa tiêu biểu cho văn hóa Huế nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung, cần được chăm sóc, giữ gìn và phát triển đúng mức, đúng hướng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ưng Bình (1954), *Bán buồn mua vui*, Vĩ Dạ, Huế.
2. Dương Bích Hà (2009), *Ca Huế*, Khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Lí luận âm nhạc, Học viện Âm nhạc Huế.
3. Lê Văn Hảo (2004), “Một vốn quý trong kho tàng âm nhạc Việt Nam cổ truyền”, *Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu – lí luận – phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỉ XX*, tập 2A, Viện Âm nhạc, Hà Nội, tr. 1072-1092.
4. Trần Văn Khê (2004), “Vài cái hay, cái dở trong âm nhạc Việt”, *Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu – lí luận – phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỉ XX*, tập 2A, Viện Âm nhạc, Hà Nội, tr. 565-575.
5. Văn Thanh (1989), *Tìm hiểu Ca Huế và dân ca Bình Trị Thiên*, Sở Văn hóa Thông tin Bình Trị Thiên, Huế.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-9-2012; ngày phản biện đánh giá: 04-10-2012; ngày chấp nhận đăng: 20-10-2012)